

Số: 673 /TB-SPS-BNNMT

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật từ ngày 16/8 - 31/8/2026

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 16/8 - 31/8/2026 của Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (*sau đây gọi tắt là thông báo*), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 36, trong đó gồm:

- 22 thông báo dự thảo lấy ý kiến;
- 14 thông báo có hiệu lực.

2. Một số thông báo cần chú ý:

a) Hoa Kỳ đăng 09 thông báo liên quan đến quy định về phụ gia màu, phụ gia thức ăn chăn nuôi và mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hóa chất bảo vệ thực vật, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/USA/3592, G/SPS/N/USA/3594 và G/SPS/N/USA/3595 dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm cho phép sử dụng an toàn chiết xuất cây rum, dung môi acetone (trong sản xuất dầu cà rốt) và màu xanh gardenia trong các nhóm thực phẩm và đồ uống.

- Thông báo G/SPS/N/USA/3593 ban hành quy định cuối cùng về việc sử dụng chất bổ sung chromium DL-methionine chelate làm nguồn dinh dưỡng bổ sung trong thức ăn hoàn chỉnh cho gia súc.

Nội dung các thông báo còn lại liên quan đến việc ban hành, cũng như tiếp nhận hồ sơ kiến nghị thiết lập hoặc sửa đổi mức MRL đối với hàng loạt hoạt chất: carboxin, cypermethrin, thiabendazole, fenpropathrin, iptriazopyrid...) trên nhiều mặt hàng nông sản và thực phẩm.

b) Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a đăng 08 thông báo liên quan đến việc ban hành các tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm thực phẩm và gia vị, cụ thể:

Các thông báo (gồm: G/SPS/N/TZA/360/Add.1, G/SPS/N/TZA/389/Add.1, G/SPS/N/TZA/390/Add.1, G/SPS/N/TZA/392/Add.1, G/SPS/N/TZA/476/Add.1, G/SPS/N/TZA/477/Add.1, G/SPS/N/TZA/478/Add.1, G/SPS/N/TZA/479/Add.1) thông báo chính thức thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia quy định các yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với nhiều mặt hàng như: củ cà ri, hoa hồi, gia vị Tandoori masala, gia vị Biriani masala, đồ uống bổ dưỡng gừng và nghệ, dưa cải muối Sauerkraut, kim chi và kombucha.

c) Nhật Bản đăng 05 thông báo liên quan đến dự thảo sửa đổi mức MRL đối với thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y trong thực phẩm, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/JPN/1427 dự thảo cập nhật MRL đối với hoạt chất Imidacloprid trên phạm vi rộng các mặt hàng bao gồm thịt, thủy hải sản, sữa, trứng, mật ong, rau củ, quả, ngũ cốc và chè.

Nội dung các thông báo còn lại đề xuất sửa đổi (tăng, giảm hoặc bãi bỏ) mức MRL đối với các hoạt chất Chlorothalonil, Pyriproxyd, Tolfenpyrad và Boscalid áp dụng trên nhiều loại nông sản, gia vị và sản phẩm động vật.

d) Ca-na-đa đăng 02 thông báo liên quan đến mức MRL thuốc bảo vệ thực vật và thành phần đồ uống, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/CAN/1646 dự thảo quy định mức MRL đối với hoạt chất epyrifenacil trên một số mặt hàng như trứng, sữa, thịt động vật và các loại hạt.

- Thông báo G/SPS/N/CAN/1599/Add.1 ban hành bản sửa đổi cho phép nâng mức giới hạn hàm lượng nước ép lên tối đa 30% đối với các loại đồ uống có chứa caffeine, đi kèm quy định nghiêm ngặt về việc ghi nhãn để tránh gây hiểu lầm.

e) Chi-lê đăng 02 thông báo liên quan đến điều kiện vệ sinh thú y, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/CHL/896 dự thảo Nghị quyết cập nhật các điều kiện vệ sinh thú y về chứng nhận an toàn dịch bệnh, xét nghiệm và cách ly đối với gia cầm một ngày tuổi và trứng ấp gia cầm nhập khẩu.

- Thông báo G/SPS/N/CHL/860/Add.2 dự thảo quy định yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở thu gom, xử lý và các điều kiện xét nghiệm dịch bệnh để nhập khẩu tinh dịch bò đông lạnh.

g) Một số thị trường khác ban hành các quy định và dự thảo đáng chú ý, gồm:

- Thổ Nhĩ Kỳ: Thông báo G/SPS/N/TUR/38/Rev.1 dự thảo Quy chuẩn về nước ép trái cây và các sản phẩm tương tự, quy định chi tiết về giới hạn thành phần hóa học, lượng đường bổ sung, tỷ lệ nước ép tối thiểu và độ Brix.

- I-xra-en: Thông báo G/SPS/N/ISR/12/Rev.5 dự thảo cập nhật mức MRL của thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm nhằm hài hòa theo các sửa đổi quy định của Liên minh châu Âu.

- Ô-xtrây-li-a: Thông báo G/SPS/N/AUS/641 dự thảo sửa đổi và bãi bỏ mức MRL đối với một số hóa chất nông nghiệp và thuốc thú y.

- Cộng hòa Đô-mi-ni-ca: Thông báo G/SPS/N/DOM/75 dự thảo Quy chuẩn vệ sinh thực phẩm và đồ uống, áp dụng bắt buộc trên toàn quốc từ sản xuất đến bán lẻ, yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn GMP và HACCP.

- Hàn Quốc: Thông báo G/SPS/N/KOR/852 dự thảo sửa đổi Quy định về công nhận nguyên liệu thực phẩm chức năng và cập nhật phân loại mức phí thẩm định hồ sơ.

- Ma-lai-xi-a: Thông báo G/SPS/N/MYS/26/Rev.2/Add.1 ban hành bản cập nhật quy định về điều kiện nhập khẩu đối với cá cảnh nước ngọt, cá cảnh biển và động vật giáp xác cảnh sống.

- Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE): Thông báo G/SPS/N/ARE/178/Add.2 thông báo gia hạn thời hạn góp ý đối với dự thảo Quy chuẩn Kỹ thuật về mức MRL thuốc thú y trong thực phẩm.

- Cô-lôm-bi-a: Thông báo G/SPS/N/COL/430/Add.1 thông báo rút lại dự thảo Quy định về đăng ký và kiểm soát các nhà sản xuất, chế biến, nhập khẩu mỹ phẩm, dược liệu và nguyên liệu thô dùng trong thú y.

- Ác-mê-ni-a: Thông báo G/SPS/N/ARM/66 dự thảo sửa đổi các yêu cầu thú y chung và mẫu giấy chứng nhận thú y thống nhất đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật.

- Cộng hòa Kê-ni-a: Thông báo G/SPS/N/KEN/381 dự thảo ban hành Tiêu chuẩn DKS 3057:2026 đối với đồ uống từ ngũ cốc/cháo ngũ cốc, quy định các yêu cầu kỹ thuật và giới hạn an toàn thực phẩm.

(Thông tin tóm tắt các thông báo tại phụ lục kèm theo; nội dung chi tiết của các thông báo gốc được đăng tải trên Cổng thông tin của Văn phòng SPS Việt Nam: www.spsvietnam.gov.vn)

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị, hiệp hội nghiên cứu góp ý bằng tiếng Anh và tiếng Việt (nếu có) gửi về Văn phòng **trước 03 ngày** so với thời hạn của mỗi Thông báo để Văn phòng tổng hợp gửi quốc gia đăng Thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để b/c);
- TTr. Võ Văn Hưng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- TTr. Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Các Cục: CNTY; TTBVTV; CCPT; LNK; TSKN;
- Cục XNK (Bộ Công Thương);
- Cục ATTP (Bộ Y tế);
- Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN);
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố;
- Các hiệp hội, ngành hàng;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT (NHTT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Xuân Nam

Phụ lục
DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
TỪ NGÀY 16 – 31/8/2026

(Kèm theo Thông báo số 673 /TB-SPS-BNNMT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
1	G/SPS/N/ARE/178/Add.2 ¹	TTBVTV	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất	31/8/2026	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất thông báo gia hạn thời hạn góp ý đối với dự thảo Quy chuẩn Kỹ thuật về mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.	Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất thông báo gia hạn thời hạn góp ý đối với dự thảo Quy chuẩn Kỹ thuật về mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) thuốc thú y trong thực phẩm. Theo đó, dự thảo quy định MRL cho phép đối với dư lượng thuốc thú y trong sản phẩm thực phẩm và thực phẩm có nguồn gốc động vật. Các mức MRL cụ thể cho 6 nhóm hoạt chất: - Clopidol (chất chống cầu trùng áp dụng trên gà): Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được: 0-0,04 mg/kg; Mức giới hạn dư lượng tối đa gồm: cơ 8,800 µg/kg, gan 10,400 µg/kg, thận 4,100 µg/kg, da/mỡ 2,600 µg/kg. - Diflubenzuron (thuốc trừ sâu áp dụng trên cá hồi): Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được: 0-0,02 mg/kg; Mức giới hạn dư lượng tối đa gồm: cơ và da 10 µg/kg. - Flumethrin (thuốc trừ sâu áp dụng trên mật ong): Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được: 0-0,004 mg/kg.

¹ G/SPS/N/BHR/201/Add.2, G/SPS/N/KWT/52/Add.2, G/SPS/N/OMN/98/Add.2, G/SPS/N/QAT/102/Add.2, G/SPS/N/SAU/399/Add.2, G/SPS/N/YEM/43/Add.2

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						- Imidacloprid (thuốc diệt ký sinh trùng áp dụng trên cá hồi): Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được: 0-0,05 mg/kg; Mức giới hạn dư lượng tối đa gồm: sữa 600 µg/kg, cơ và da 600 µg/kg. - Ivermectin (thuốc tẩy giun sán áp dụng trên bò, cừu, dê): Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được: 0-10 µg/kg; Mức giới hạn dư lượng tối đa đối với bò gồm: cơ 30 µg/kg, gan 800 µg/kg, thận 100 µg/kg, mỡ 400 µg/kg, sữa 10 µg/kg; Mức giới hạn dư lượng tối đa đối với cừu/dê gồm: cơ 30 µg/kg, gan 60 µg/kg, thận 20 µg/kg, mỡ 100 µg/kg. - Nicarbazin (chất chống cầu trùng áp dụng trên gà thịt): Lượng ăn vào hàng ngày chấp nhận được: 0-0,9 mg/kg; Mức giới hạn dư lượng tối đa gồm: cơ 4,000 µg/kg, gan 15,000 µg/kg, thận 8,000 µg/kg, mỡ 4,000 µg/kg. Thời hạn góp ý được gia hạn đến ngày 30/10/2026
2	G/SPS/N/USA/3596	TTBVTV	Hoa Kỳ	31/8/2026	Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận hồ sơ đề nghị quy định hoặc sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với nhiều loại hàng hóa	Hoa Kỳ thông báo tiếp nhận hồ sơ đề nghị quy định hoặc sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) thuốc bảo vệ thực vật đối với nhiều loại hàng hóa. Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) thông báo đã tiếp nhận các hồ sơ đề nghị quy định hoặc sửa đổi mức dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trên nhiều loại hàng hóa và kêu gọi các bên liên quan gửi ý kiến đối với các hồ sơ này theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA). Các hồ sơ được EPA tiếp nhận trong năm 2025 và 2026 hiện đang được đánh giá, trong đó bao gồm thông tin về bên đệ trình và nội dung đề nghị. EPA cho biết sẽ hài hòa mức với Codex khi có thể. Tuy nhiên, đối với

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						một số MRL, dữ liệu được cung cấp có thể hỗ trợ EPA đưa ra mức MRL khác với Codex. Thời hạn góp ý trước ngày 16/9/2026.
3	G/SPS/N/ARM/66	CNTY	Ác-mê-ni-a	31/8/2026	Ác-mê-ni-a dự thảo sửa đổi các yêu cầu thú y chung và mẫu giấy chứng nhận thú y thống nhất đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật	Ác-mê-ni-a dự thảo sửa đổi các yêu cầu thú y chung và mẫu giấy chứng nhận thú y thống nhất đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật. Theo đó, dự thảo sửa đổi các yêu cầu thú y (vệ sinh và thú y) chung đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y, tập trung vào việc bổ sung, điều chỉnh các quy định pháp lý và kỹ thuật; bổ sung thuật ngữ, định nghĩa; sửa đổi điều kiện nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU); thống nhất tên gọi các bệnh động vật và cách diễn đạt của một số quy định. Dự thảo cũng rà soát, sửa đổi các yêu cầu liên quan đến bệnh truyền nhiễm đối với động vật sống và bãi bỏ một số quy định tại phần quy định cuối cùng và chuyển tiếp. Bên cạnh đó, các mẫu Giấy chứng nhận thú y thống nhất đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch nhập khẩu từ nước thứ ba cũng được cập nhật tương ứng. Nội dung sửa đổi bao gồm điều chỉnh yêu cầu về cách ly, kiểm tra lâm sàng, xét nghiệm mẫu tại phòng thí nghiệm được công nhận và các yêu cầu kiểm soát đối với một số bệnh truyền nhiễm trên động vật, tinh dịch, phôi, noãn và các sản phẩm thuộc diện kiểm soát thú y. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
4	G/SPS/N/CHL/860/Add.2	CNTY	Chi-lê	31/8/2026	Chi-lê dự thảo quy định yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu tinh dịch bò đông lạnh và bãi bỏ Quyết định số 5.618 năm 2013	Chi-lê dự thảo quy định yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu tinh dịch bò đông lạnh và bãi bỏ Quyết định số 5.618 năm 2013. Theo đó, dự thảo quy định các điều kiện cụ thể đối với cơ sở thu gom, xử lý tinh dịch và động vật cho tinh dịch, bao gồm yêu cầu về vệ sinh, tình trạng dịch bệnh, nguồn gốc động vật và việc cơ sở phải được Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi-lê (SAG) công nhận để xuất khẩu tinh dịch bò sang Chi-lê. Các yêu cầu cũng bao gồm kiểm tra, xét nghiệm đối với nhiều bệnh trên gia súc như viêm phổi truyền nhiễm, bệnh tụ huyết trùng, lở mồm long móng, viêm da nổi cục và bệnh sốt thung lũng Rift. Đối với lô hàng, tinh dịch phải được thu gom, xử lý và bảo quản theo các điều kiện của Bộ luật Sức khỏe Động vật trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới (OMSA); phải có chứng thư kiểm dịch chính thức và đáp ứng các yêu cầu về nhận diện, đóng gói, vận chuyển và bảo quản. Chi-lê đã sửa đổi nội dung và phạm vi áp dụng của dự thảo được thông báo trước đó, cụ thể là loại bỏ các phương án cho phép nhập khẩu tinh dịch bò tươi từ các khu vực chưa được OMSA chính thức công nhận không có bệnh viêm phổi truyền nhiễm ở bò. Dự thảo quy định có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
5	G/SPS/N/JPN/1430	CNTY TTBVT ATTP	Nhật Bản	28/8/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Chlorothalonil trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Chlorothalonil trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm mức MRL đối với gạo (gạo lứt) từ 0,1 xuống 0,05 mg/kg; lúa mì, đại mạch, lúa mạch đen và các loại ngũ cốc khác từ 0,1 xuống 0,01 mg/kg; xà lách (bao gồm xà lách Romaine và xà lách lá) từ 1 xuống 0,7 mg/kg; tỏi từ 10 xuống 0,04 mg/kg; củ hành củ nhiều tép từ 5 xuống 3 mg/kg; cà rốt từ 1 xuống 0,4 mg/kg; mitsuba và gừng từ 0,05 xuống 0,01 mg/kg; dưa chuột từ 5 xuống 3 mg/kg; dưa muối Nhật từ 5 xuống 2 mg/kg; lê Nhật từ 0,5 xuống 0,2 mg/kg; mộc qua từ 1 xuống 0,5 mg/kg; các loại rau họ cúc khác từ 2 xuống 1 mg/kg. Đồng thời, bãi bỏ quy định MRL riêng đối với nấm mỡ, nấm hương, các loại nấm khác, cải bó xôi, măng tre, đậu Hà Lan quả non, đậu cô ve quả non, đậu tương xanh, nhót tây, cúc đắng và rau cúc. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với đậu tương khô, đậu hạt khô, đậu Hà Lan, đậu tằm và các loại đậu hạt khác từ 0,2 lên 1 mg/kg; lạc khô từ 0,05 lên 0,1 mg/kg; khoai tây, khoai môn, khoai lang, củ nưa, củ cải đường và các loại củ khác từ 0,2 lên 0,3 mg/kg; củ mài Nhật (bao gồm cả củ mài Trung Quốc) từ 0,01 lên 0,3 mg/kg; hành tây từ 0,5 lên 2 mg/kg; tỏi tây từ 5 lên 10 mg/kg; măng tây từ 2 lên 5 mg/kg; cần tây từ 10 lên 20 mg/kg; cà chua từ 5 lên 9 mg/kg; ớt ngọt từ 7 lên 10 mg/kg; cà tím từ 2 lên 3 mg/kg; các loại rau họ cà khác từ 2 lên 7 mg/kg; bí đỏ và các loại rau họ bầu bí khác từ 5 lên 7 mg/kg; đậu bắp

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						(okra) từ 6 lên 7 mg/kg; các loại rau họ hành khác từ 2 lên 10 mg/kg; gan gia cầm khác, thận gà, thận gia cầm khác, phụ phẩm ăn được của gà và phụ phẩm ăn được của gia cầm khác từ 0,01 lên 0,07 mg/kg; mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa) lên 0,05 mg/kg. Định nghĩa dư lượng đối với nông sản và mật ong tiếp tục là Chlorothalonil, còn đối với các sản phẩm động vật là chất chuyển hóa I (2,5,6-trichloro-4-hydroxyisophthalonitrile). Đối với các sản phẩm không được quy định mức MRL trong danh mục, áp dụng mức MRL chung 0,01 mg/kg. Thời hạn góp ý trước ngày 27/10/2026.
6	G/SPS/N/JPN/1429	TTBVTV, CLCB, CNTY ATTP	Nhật Bản	28/8/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Pyrifluquinazon trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức MRL đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Pyrifluquinazon trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm mức MRL đối với đậu hạt khô, đậu Hà Lan, đậu tằm và các loại đậu hạt khác từ 0,05 xuống 0,01 mg/kg; cà tím từ 0,2 xuống 0,1 mg/kg; dưa chuột từ 0,1 xuống 0,07 mg/kg; cam Unshu, chanh vàng, cam (bao gồm cam navel), chanh xanh, đào và dâu tây từ 1 xuống 0,7 mg/kg; lê Nhật và lê từ 0,7 xuống 0,5 mg/kg; nho từ 3 xuống 2 mg/kg; các loại gia vị khác từ 5 xuống 3 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với việt quất lên 0,5 mg/kg và mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa) lên 0,05 mg/kg. Định nghĩa dư lượng tiếp tục là Pyrifluquinazon. Đối với các sản phẩm không được quy định mức MRL trong danh mục, áp dụng mức MRL chung 0,01 mg/kg. Thời hạn góp ý trước ngày 27/10/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
7	G/SPS/N/JPN/1427	CNTY, TTBVTV, ATTP	Nhật Bản	28/8/2026	Nhật Bản thông báo dự thảo sửa đổi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm nhằm cập nhật mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y Imidacloprid.	Nhật Bản thông báo dự thảo sửa đổi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm nhằm cập nhật mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y Imidacloprid. Phạm vi áp dụng của dự thảo bao trùm nhiều nhóm mặt hàng thực phẩm, bao gồm thịt và phụ phẩm động vật, thủy hải sản, sữa, trứng, mật ong, rau củ, quả và quả hạch, cà phê, chè, gia vị, ngũ cốc, hạt có dầu, mỡ động vật và ca cao. Chi tiết các đề xuất điều chỉnh mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với Imidacloprid được chia theo từng nhóm mặt hàng. Đối với nhóm ngũ cốc và đậu hạt, dự thảo đề xuất giảm mức MRL đối với gạo lứt từ 1 xuống 0,08 ppm; đại mạch, lúa mạch đen và kiều mạch từ 0,04 xuống 0,02 ppm; ngô từ 0,05 xuống 0,02 ppm; đậu nành khô, các loại đậu khô khác và đậu Hà Lan từ 3 xuống 2 ppm (mức giảm này cũng được đề xuất áp dụng cho đậu tằm - broad beans); và lạc khô từ 0,7 xuống 0,5 ppm. Riêng áp dụng cho lúa mì được giữ nguyên ở 0,2 ppm. Chuyển sang nhóm củ và rau, cơ quan quản lý đề xuất giảm mức MRL đối với khoai tây, khoai sọ, khoai lang, củ mài, củ nưa, củ cải đường, củ cải Nhật Bản, củ cải tròn và cà rốt từ 0,4 xuống 0,3 ppm. Cùng với đó, mức MRL đối với hành tây giảm từ 0,07 xuống 0,05 ppm; hành boa-rô từ 0,7 xuống 0,5 ppm; măng tây từ 0,7 xuống 0,6 ppm; cà chua từ 2 xuống 0,9 ppm; cà tím từ 2 xuống 1 ppm; rau bina từ 15 xuống 9 ppm và đậu tương xanh từ 3 xuống 1 ppm.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						Ngược lại, dự thảo đề xuất tăng mức giới hạn tối đa dư lượng đối với bắp cải, cải thảo, cải Brussels từ 0,5 lên 2 ppm và súp lơ từ 0,4 lên 2 ppm. Đồng thời, dự thảo bãi bỏ nhóm Các loại rau khác có mức MRL 5 ppm để chia thành các nhóm chi tiết mới, trong đó quy định mức giới hạn tối đa dư lượng 7 ppm cho rau dền (phần lá và thân) và mức MRL 10 ppm cho lá nam thiên trúc (nandina). Đối với nhóm quả, hạt và cây công nghiệp, mức MRL được đề xuất tăng đối với chè từ 10 lên 30 ppm; quả mơ mận (mume plum) từ 0,3 lên 1 ppm; và cam từ 0,7 lên 1 ppm. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất giảm mức MRL đối với cà phê từ 0,7 xuống 0,6 ppm; hoa bia từ 7 xuống 3 ppm; dâu tây từ 0,4 xuống 0,3 ppm; hạt hướng dương, hạt rum, hạt cải dầu, quả hồ đào, hạnh nhân, quả óc chó từ 0,04 xuống 0,01 ppm; hạt bông từ 4 xuống 3 ppm; quả việt quất, quả mâm xôi từ 4 xuống 3 ppm; cũng như đu đủ, bơ và ổi từ 0,7 xuống mức 0,4 - 0,6 ppm. Về nhóm động vật, thủy sản và mật ong, cơ quan quản lý đề xuất tăng mức MRL đối với gan, thận và phụ phẩm ăn được của gia cầm từ 0,05 lên 0,06 ppm. Đồng thời, bổ sung mới mức MRL 0,6 ppm đối với các loài cá (bao gồm bộ Cá hồi, bộ Cá chình, bộ Cá vược và các loại cá khác), và bổ sung mức MRL 0,05 ppm đối với mật ong cùng sữa ong chúa. Mức giới hạn tối đa dư lượng trên thịt gia súc, mỡ, gan, thận vẫn giữ nguyên 0,3 ppm và sữa giữ nguyên 0,1 ppm. Đáng chú ý, dự thảo cũng đưa ra quy định mới về phân loại và mẫu quả toàn phần. Một số mặt hàng như dưa hấu, dưa lưới, quả hồng đào, quả kiwi, quả sơn trà (loquat) và quýt Unshu (cùng với

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						dưa gang - Makuwauri melon) được chuyển sang áp dụng mức MRL theo phương pháp tính trên toàn bộ quả sau khi bỏ cuống hoặc bỏ hạt (chi tiết hơn, với quả đào/hồng đào, dư lượng được tính toán và biểu thị trên khối lượng của toàn bộ sản phẩm không có cuống). Những nhóm hàng hóa không được liệt kê cụ thể sẽ tự động áp dụng mức MRL mặc định thống nhất là 0,01 ppm. Bên cạnh đó, về định nghĩa dư lượng: đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản và mật ong, Nhật Bản xác định dư lượng chính là hoạt chất Imidacloprid; đối với các sản phẩm từ động vật, dư lượng được tính là tổng của Imidacloprid và các chất chuyển hóa chứa nhóm 6-chloropyridinyl. Dự kiến, quy định này sẽ được thông qua và công bố ngay sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến, sau đó chính thức có hiệu lực sau một khoảng thời gian ân hạn. Thời hạn tiếp nhận ý kiến đóng góp đến ngày 27/10/2026.
8	G/SPS/N/JPN/1428	CNTY TTBVT ATTP	Nhật Bản	28/8/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Tolfenpyrad trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Tolfenpyrad trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm mức MRL đối với củ cải tròn (phần rễ và củ, bao gồm cả rutabaga) từ 0,2 xuống 0,1 mg/kg; cải thảo từ 1 xuống 0,9 mg/kg; bắp cải từ 0,3 xuống 0,2 mg/kg; họ (Nira) từ 9 xuống 6 mg/kg; dưa chuột từ 0,7 xuống 0,6 mg/kg; quả đào từ 10 xuống 5 mg/kg; đào trơn (nectarine) từ 5 xuống 3 mg/kg; chanh, chanh vỏ xanh, bưởi và cam Natsudaidai từ 3 xuống 2 mg/kg.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với hành tây từ 0,02 lên 0,09 mg/kg; tỏi từ 0,05 lên 0,09 mg/kg; dưa hấu từ 0,6 lên 0,7 mg/kg; các loại rau họ cà khác từ 0,2 lên 0,5 mg/kg; gan bò, gan lợn và gan của các loài động vật trên cạn khác lên 0,4 mg/kg; thận bò, thận lợn và thận của các loài động vật trên cạn khác lên 0,4 mg/kg; phụ phẩm ăn được của bò, phụ phẩm ăn được của lợn và phụ phẩm ăn được của các loài động vật trên cạn khác lên 0,4 mg/kg; mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa) lên 0,05 mg/kg; bổ sung quy định mức MRL 25 mg/kg đối với các loại rau họ cúc khác và 0,5 mg/kg đối với đậu bắp. Định nghĩa MRL đối với nông sản và mật ong là Tolfenpyrad, còn đối với các sản phẩm động vật là tổng hợp của Tolfenpyrad, chất chuyển hóa PT-CA và chất chuyển hóa OH-PT-CA (bao gồm cả các chất chuyển hóa giải phóng OH-PT-CA khi thủy phân trong môi trường kiềm), biểu thị dưới dạng Tolfenpyrad. Đối với các sản phẩm không được quy định mức MRL trong danh mục, áp dụng mức MRL chung 0,01 mg/kg. Thời hạn góp ý trước ngày 27/10/2026.
9	G/SPS/N/JPN/1431	TTBVTV, CLCB, CNTY	Nhật Bản	28/8/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi giới mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Boscalid trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Boscalid trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm mức MRL đối với củ cải Nhật (gồm lá củ cải) và các loại gia vị từ 50 xuống 40 mg/kg; xà lách (gồm xà lách Romaine và xà lách lá) từ 60 xuống 40 mg/kg; gừng từ 2 xuống 0,05 mg/kg; quả xuân đào, mơ và mận mơ từ 4 xuống 3 mg/kg; quả anh đào từ 5 xuống 3 mg/kg; quả hồng Nhật từ 2 xuống 1 mg/kg; xoài từ 2 xuống 0,01 mg/kg; mật ong từ 0,05

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						xuống 0,01 mg/kg; dầu lạc từ 0,2 xuống 0,01 mg/kg; thịt cơ bò, thịt cơ lợn, thịt cơ của các loài động vật trên cạn khác từ 0,7 xuống 0,2 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với chanh vàng và chanh xanh từ 5 lên 10 mg/kg; cam từ 8 lên 10 mg/kg; lê, lê Nhật, mận qua từ 2 lên 3 mg/kg; mận Nhật từ 2 lên 10 mg/kg. Định nghĩa MRL tiếp tục là Boscalid. Đối với các sản phẩm không được quy định mức MRL trong danh mục, áp dụng mức MRL chung 0,01 mg/kg. Thời hạn góp ý trước ngày 27/10/2026.
10	G/SPS/N/USA/3595	ATTP, TTBVTV, BCT	Hoa Kỳ	27/8/2026	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm cho phép sử dụng chiết xuất cây rum (safflower - <i>Carthamus tinctorius</i> L.) làm chất tạo màu.	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm cho phép sử dụng chiết xuất cây rum (safflower - <i>Carthamus tinctorius</i> L.) làm chất tạo màu. Đề xuất này dựa trên Đơn yêu cầu phê duyệt từ Công ty GNT USA, LLC (thông qua Exponent, Inc.), đề nghị Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (Food and Drug Administration - FDA) sửa đổi quy định về phụ gia màu tại 21 CFR Phần 73 để cho phép sử dụng an toàn chiết xuất cây rum làm chất tạo màu trong 17 nhóm sản phẩm thực phẩm và đồ uống khác nhau (bao gồm bánh mì dẹt cuộn dạng tortilla, đồ uống có cồn và không cồn, ngũ cốc ăn sáng, kẹo cao su, kem, sữa chua, kẹo các loại, nước sốt và các sản phẩm khác) với hàm lượng phù hợp với thực hành sản xuất tốt. Bên nộp đơn tuyên bố hành động này thuộc diện loại trừ phân tích tác động môi trường (categorical exclusion) theo 21 CFR 25.32(k) do chất này được thiết kế để lưu lại trong thực phẩm qua đường tiêu hóa của người tiêu dùng và không nhằm thay thế các chất dinh dưỡng đa lượng.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						Nếu FDA xác định diện loại trừ này không áp dụng, cơ quan sẽ yêu cầu đánh giá môi trường và công khai tài liệu để lấy ý kiến.
11	G/SPS/N/USA/3594	ATTP	Hoa Kỳ	27/8/2026	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm cho phép sử dụng acetone làm dung môi trong quá trình sản xuất dầu cà rốt.	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm cho phép sử dụng acetone làm dung môi trong quá trình sản xuất dầu cà rốt. Đề xuất này dựa trên Đơn yêu cầu phê duyệt từ Hiệp hội Các nhà sản xuất chất tạo màu quốc tế (International Association of Color Manufacturers), đề nghị Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (Food and Drug Administration - FDA) sửa đổi quy định về phụ gia màu để cho phép sử dụng an toàn acetone làm dung môi, đồng thời bổ sung các giới hạn về kim loại nặng và tên gọi thay thế cho dầu cà rốt. FDA đang xem xét tác động môi trường của đơn kiến nghị và mở thời hạn nhận ý kiến đóng góp từ công chúng đến ngày 18/9/2026.
12	G/SPS/N/USA/3592	ATTP	Hoa Kỳ	27/8/2026	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm mở rộng phạm vi sử dụng và điều chỉnh giảm giới hạn hàm lượng asen đối với màu xanh gardenia (genipin blue).	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia màu nhằm mở rộng phạm vi sử dụng và điều chỉnh giảm giới hạn hàm lượng asen đối với màu xanh gardenia (genipin blue). Đề xuất này dựa trên Đơn yêu cầu phê duyệt từ Gardenia Blue Interest Group (thông qua Exponent, Inc.), đề nghị Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration - FDA) sửa đổi quy định tại 21 CFR 73.168 để cho phép sử dụng an toàn màu xanh gardenia trong 20 nhóm sản phẩm thực phẩm và đồ uống khác nhau (bao gồm bánh bông lan, đồ uống có cồn và hỗn hợp, đồ uống có ga, ngũ cốc ăn sáng, kẹo cao su, kem, thạch, mứt, sữa chua và các sản phẩm khác)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						với hàm lượng phù hợp với thực hành sản xuất tốt. Đồng thời, đơn đề xuất cũng yêu cầu hạ mức giới hạn hàm lượng asen trong màu xanh gardenia từ ≤ 2 mg/kg (ppm) xuống ≤ 1 mg/kg (ppm). Người nộp đơn tuyên bố hành động này thuộc diện loại trừ phân tích tác động môi trường (categorical exclusion) theo 21 CFR 25.32(k) do chất này được thiết kế để lưu lại trong thực phẩm qua đường tiêu hóa của người tiêu dùng và không nhằm thay thế các chất dinh dưỡng đa lượng. Nếu FDA xác định diện loại trừ này không áp dụng, cơ quan sẽ yêu cầu đánh giá môi trường và công khai tài liệu để lấy ý kiến.
13	G/SPS/N/TUR/38/Rev.1	TTBVTV, BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	27/8/2026	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo Quy chuẩn về nước ép trái cây và các sản phẩm tương tự thuộc Tiêu chuẩn Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ.	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo Quy chuẩn về nước ép trái cây và các sản phẩm tương tự thuộc Tiêu chuẩn Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ, cụ thể đối với các sản phẩm bao gồm: nước trái cây, nước trái cây giảm đường tự nhiên, nước trái cây sản xuất từ cô đặc, nước trái cây cô đặc giảm đường tự nhiên, nước trái cây cô đặc, bột nước trái cây, mật hoa trái cây, mứt/trái cây nghiền nhuyễn (pure) và trái cây nghiền nhuyễn cô đặc. Về giới hạn thành phần hóa học và độ axit trong nước ép cũng như trái cây nghiền nhuyễn, lượng cồn ethyl được quy định ở mức tối đa là 3 g/L. Hàm lượng axit dễ bay hơi không được vượt quá 0,4 g/L và axit lactic tối đa là 0,5 g/L. Nhằm mục đích điều chỉnh độ axit trong quá trình sản xuất, các nhà sản xuất có thể bổ sung tối đa 3 g/L nước ép chanh, chanh tây hoặc nước ép chanh, chanh tây cô đặc (tính theo axit citric khan). Bên cạnh đó, đối với quá trình khử sulfit áp dụng cho nước nho, tổng lượng lưu huỳnh dioxide trong sản phẩm

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						cuối cùng bị giới hạn không được vượt quá 10 mg/L. Đối với quy định về lượng nước và đường bổ sung, các loại nước ép cô đặc hoặc nước ép cô đặc giảm đường tự nhiên khi tiêu thụ trực tiếp bắt buộc phải loại bỏ ít nhất 50% lượng nước. Hàm lượng đường hoặc mật ong bổ sung vào nectar trái cây được kiểm soát chặt chẽ dựa trên tỷ lệ phần trăm so với tổng trọng lượng sản phẩm. Cụ thể, mức bổ sung tối đa là 20% đối với nhóm trái cây có tính axit cao không thể tiêu thụ tự nhiên cùng nước ép, 15% đối với nhóm trái cây ít axit, có nhiều thịt quả hoặc hương vị đậm đà, và 10% đối với nhóm trái cây có thể tiêu thụ tự nhiên cùng nước ép. Riêng đối với nước ép từ quả hắc mai biển, lượng đường bổ sung tối đa được quy định không vượt quá 140 g/L. Phụ lục 3 quy định về tỷ lệ tối thiểu của nước ép hoặc trái cây nghiền nhuyễn trong nectar, các loại trái cây được chia thành ba nhóm. Đối với nhóm trái cây có tính axit cao, quả côm cháy yêu cầu tỷ lệ cao nhất là 50%; tiếp theo là tầm xuân, các loại anh đào (trừ anh đào chua), việt quất, mâm xôi, mơ, dâu tây và mâm xôi đen ở mức 40%; anh đào chua ở mức 35%; quả lý gai, mận gai, mận, mận Damson, thanh lương trà và nam việt quất hạt to ở mức 30%; chanh dây, Quito/Lulo, lý chua đen, lý chua trắng, lý chua đỏ, hắc mai biển, mận qua, chanh, chanh tây và các loại khác ở mức 25%. Đối với nhóm trái cây ít axit và có nhiều thịt quả như xoài, chuối, ổi, đu đủ, vải, sơ ri, măng cầu xiêm, na rừng, na, lựu, điều, mận Tây Ban Nha và Umbu, tỷ lệ tối thiểu đồng loạt là 25%. Nhóm trái cây có thể tiêu thụ tự nhiên cùng nước ép bao gồm táo, lê, đào, dứa, cà chua và các loại cam

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						quýt (trừ chanh) đều yêu cầu tỷ lệ nước ép tối thiểu là 50%. Trong Phụ lục 4 quy định về độ Brix tối thiểu đối với nước ép trái cây và trái cây nghiền nhuyễn sản xuất từ dạng cô đặc, mức quy định cao nhất thuộc về chuối là 21,0. Tiếp theo là nho ở mức 15,9; măng cầu xiêm và na là 14,5; xoài và anh đào chua là 13,5; lựu là 13,0; dứa là 12,8; chanh dây, mận và mận Damson là 12,0; lê là 11,9; điều là 11,5. Các loại táo, mơ, cam, quýt và vải có cùng mức quy định là 11,2; lý chua đen và thanh lương trà là 11,0; quả com cháy là 10,5. Nhóm bưởi tây, lý chua trắng, lý chua đỏ, việt quất bụi cao, việt quất bụi thấp, việt quất đen và đào đều được quy định ở mức 10,0. Các loại trái cây có mức quy định thấp hơn bao gồm tầm xuân là 9,0; ổi là 8,5; chanh là 8,0; quả lý gai và nam việt quất hạt to là 7,5; mâm xôi và dâu tây là 7,0; sơ ri là 6,5; hắc mai biển và mận gai là 6,0; cà chua là 5,0 và thấp nhất là dứa ở mức 4,5. Thời gian chuyển tiếp tuân thủ quy định mới đến hết ngày 31/12/2027. Những sản phẩm đáp ứng quy định cũ nếu đã được đưa ra thị trường trước thời hạn 31/12/2027 sẽ được phép tiếp tục lưu hành cho đến khi hết hạn sử dụng. Thời hạn góp ý trước ngày 26/10/2026. Dự thảo dự kiến được thông qua vào ngày 01/11/2026, công bố vào ngày 01/01/2027 và sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm công bố.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
14	G/SPS/N/AUS/641	TTBVTV, CNTY	Ô-xtrây-li-a	27/8/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi giới hạn tối đa dư lượng đối với một số hóa chất nông nghiệp và thuốc thú y.	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với một số hóa chất nông nghiệp và thuốc thú y. Cụ thể: - Đối với hoạt chất 1,4-dimethylnaphthalene, quy định bãi bỏ MRL cũ và áp dụng định nghĩa MRL mới. Đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật (trừ sữa), định nghĩa dư lượng là tổng của 1,4-dimethylnaphthalene và chất chuyển hóa axit 4-methyl-1-naphthoic (M23), biểu thị dưới dạng 1,4-dimethylnaphthalene. Đối với sữa, định nghĩa là hợp chất glycine của axit 4-methyl-1-naphthoic (Gly-M23). Mức MRL áp dụng như sau: phụ phẩm ăn được (động vật có vú) ở mức 0,5 ppm; trứng, mỡ động vật có vú (trừ mỡ sữa), thịt động vật có vú, sữa đông loạt ở mức 0,03 ppm; khoai tây ở mức 20 ppm; phụ phẩm ăn được của gia cầm ở mức 0,2 ppm; mỡ gia cầm và thịt gia cầm ở mức 0,3 ppm; - Đối với hoạt chất Carboxin, bãi bỏ MRL đối với hạt ngũ cốc (trừ ngô ngọt) và đậu phộng. Áp dụng định nghĩa dư lượng mới (tổng của carboxin và các chất chuyển hóa carboxin sulfoxide, carboxin sulfone, biểu thị dưới dạng carboxin) và bổ sung MRL: hạt ngũ cốc (trừ ngô ngọt) ở mức 0,1 ppm; phụ phẩm ăn được (động vật có vú) ở mức 0,1 ppm; đậu phộng ở mức 0,2 ppm; trứng, thịt (động vật có vú), sữa, thịt gia cầm, phụ phẩm ăn được của gia cầm đồng loạt ở mức 0,03 ppm; - Đối với Cyantraniliprole, bãi bỏ MRL đối với đậu cô ve (quả và/hoặc hạt non) ở mức 0,1 ppm; hạt đậu mọng nước có vỏ và hạt đậu Hà Lan mọng nước có vỏ ở

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						mức 0,3 ppm. Bổ sung MRL cho rau ăn lá (trừ xà lách cuộn) ở mức 6 ppm; rau họ đậu (trừ phân nhóm đậu Hà Lan có vỏ) ở mức 0,4 ppm; xà lách cuộn ở mức 1,5 ppm; <i>Psyllium</i> sp. ở mức 0,01 ppm. Thay thế MRL cho phụ phẩm ăn được (động vật có vú) từ 0,05 ppm lên 0,1 ppm; thịt động vật có vú (trong mỡ) từ 0,01 ppm lên 0,03 ppm; - Đối với Diafenthiuron, bãi bỏ MRL đối với hạt ngũ cốc ở mức T0,01 ppm. Đồng thời, bổ sung MRL cho hạt ngũ cốc (trừ <i>psyllium</i> sp.) ở mức T0,01 ppm; rau ăn lá (trừ xà lách cuộn) ở mức 8 ppm; rau họ đậu ở mức 0,9 ppm; xà lách cuộn ở mức 4 ppm; khoai tây và <i>Psyllium</i> sp. đồng loạt ở mức 0,03 ppm. Thay thế MRL đối với thịt động vật có vú (trong mỡ) từ 0,02 ppm lên 0,05 ppm; - Đối với Fludioxonil, bãi bỏ MRL đối với đậu có vỏ (trừ đậu nành) ở mức 0,8 ppm; củ cải đường ở mức 0,01 ppm; các loại rau dạng củ và thân hành (trừ họ, phân nhóm hành tây) ở mức 3 ppm; đậu Hà Lan có vỏ ở mức 0,8 ppm. Bổ sung MRL cho họ Trung Quốc, họ tỏi ở mức 10 ppm; họ khô ở mức 70 ppm; hành lá (phân nhóm) (trừ họ, họ Trung Quốc, họ tỏi) ở mức 3 ppm; rau họ đậu ở mức 1,5 ppm; rau ăn rễ và củ (trừ cà rốt, củ cải đường, các loại rau dạng củ và thân hành) ở mức 0,9 ppm; các loại rau dạng củ và thân hành (trừ khoai tây) ở mức 0,03 ppm. Thay thế sung MRL cho họ từ T10 ppm thành 10 ppm; thảo mộc khô từ T70 ppm thành 200 ppm; thảo mộc từ T20 ppm thành 40 ppm; - Đối với Imazamox, bổ sung MRL cho đậu gà (khô) ở mức 0,01 ppm; - Đối với hoạt chất Imazapyr, bổ sung MRL cho đậu gà (khô) ở mức 0,01 ppm;

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						- Đối với Mandipropamid, bổ sung MRL cho họ, họ Trung Quốc, họ tỏi đồng loạt ở mức T4; thảo mộc khô (trừ lá húng quế khô) ở mức T200; củ thì là ở mức T20; thân rễ riêng, rễ nghệ đồng loạt ở mức T0,02; thảo mộc (trừ lá húng quế) ở mức T30; cỏ roi ngựa chanh (lá khô) ở mức T200; - Đối với Penthioapyrad, bổ sung MRL cho củ thì là ở mức 15 ppm; lá thì là và thì là Tây Ban Nha đồng loạt ở mức 50 ppm; - Đối với Pydiflumetofen, bãi bỏ MRL đối với đậu có vỏ ở mức 0,7 ppm; đậu Hà Lan có vỏ (phân nhóm) ở mức 1,5 ppm; khoai tây ở mức 0,01 ppm; rau ăn rễ và củ (trừ khoai tây) ở mức 0,3 ppm. Bổ sung MRL cho thảo mộc khô ở mức 150 ppm; thảo mộc ở mức 30 ppm; rau họ đậu ở mức 1,5 ppm; rau ăn rễ và củ (trừ các loại rau dạng củ và thân hành) ở mức 0,3 ppm; các loại rau dạng củ và thân hành ở mức 0,01 ppm; - Đối với Spiromesifen, thay thế tên gọi Đu đủ (Papaya) thành Đu đủ (Papaya (pawpaw)) và giữ nguyên MRL ở 0,7 ppm. Dự thảo dự kiến sẽ được thông qua, công bố và có hiệu lực trong tháng 11/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 30/10/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
15	G/SPS/N/CAN/1646	CNTY, TTBVTV	Ca-na-đa	26/8/2026	Ca-na-đa thông báo dự thảo quy định mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật epyrifenacil trong hoặc trên một số loại hàng hóa.	Ca-na-đa thông báo dự thảo quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit – MRL) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật epyrifenacil trong hoặc trên một số loại hàng hóa. Theo đó, dự thảo đề xuất mức MRL đối với epyrifenacil theo từng nhóm hàng hóa, cụ thể: trứng, sữa, thịt, mỡ và phụ phẩm thịt của bò, dê, ngựa, lợn, cừu và gia cầm ở mức 0,01 ppm; đậu tương khô, ngô hạt, hạt cải dầu (canola) và lúa mì ở mức 0,005 ppm. Dự kiến, dự thảo sẽ được thông qua và công bố trong vòng 04 đến 05 tháng kể từ ngày tài liệu PMRL được đăng trên trang thông tin của Bộ Y tế Ca-na-đa và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. Thời hạn góp ý trước ngày 04/11/2026.
16	G/SPS/N/USA/3589	TTBVTT, CNTY	Hoa Kỳ	25/8/2026	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) tiếp nhận đơn kiến nghị về sửa đổi quy định đối với giới hạn tối đa dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại thực phẩm và nông sản khác nhau.	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) tiếp nhận đơn kiến nghị về sửa đổi quy định đối với giới hạn tối đa dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại thực phẩm và nông sản khác nhau. Theo đó, các đơn kiến nghị đề xuất thiết lập mức dư lượng theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FFDCA) đối với một số hóa chất, cụ thể: - Đối với thuốc trừ nấm thiabendazole, mức MRL đề xuất trên bông và phụ phẩm từ bông là 0,01 ppm. - Đối với thuốc trừ sâu fenpropathrin, mức MRL được đề xuất là 15 ppm trên rau họ cải ăn lá; 7 ppm trên trái cây nhỏ nhiệt đới/cận nhiệt đới có vỏ không ăn được; 5 ppm trên anh đào và trái cây nhỏ nhiệt đới/cận nhiệt đới có vỏ ăn được; 3 ppm trên su hào và rau họ cải ăn

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						hoa/thân; 1,5 ppm trên củ cải; 1,4 ppm trên đào và mận; 1 ppm trên hạt bông; 0,1 ppm trên các loại hạt cây; 0,04 ppm trên lúa mạch; và 0,02 ppm trên các loại đậu Hà Lan cùng nhóm rau ăn củ, thân củ (trừ khoai tây). - Đối với thuốc diệt cỏ iptriazopyrid, mức MRL đề xuất là 2,0 ppm trên rơm rạ; 0,90 ppm trên hạt gạo; 0,60 ppm trên gan gia cầm; 0,20 ppm trên gan của bò, dê, ngựa, cừu; 0,15 ppm trên thận của các loại gia súc này cùng với gan lợn; 0,04 ppm đối với cá, động vật có vỏ, giáp xác; và mức 0,01 ppm áp dụng chung cho thịt, mỡ của các loại gia súc, gia cầm, cũng như các sản phẩm trứng, sữa. - Đối với chất điều hòa sinh trưởng aviglycine HCl, mức MRL đề xuất quy định trên hạnh nhân là 0,01 ppm. Căn cứ vào quá trình xem xét dữ liệu, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency – EPA) có thể quy định mức MRL cuối cùng hoặc mức miễn trừ khác so với mức mà bên kiến nghị đã yêu cầu (ví dụ: điều chỉnh tên nông sản cho đồng nhất hoặc thay đổi mức MRL dựa trên dữ liệu có sẵn). Hiện tại, EPA chưa hoàn tất đánh giá tính đầy đủ của các dữ liệu này và sẽ xem xét các ý kiến đóng góp của công chúng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Dự kiến có hiệu lực từ ngày 21/9/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 21/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
17	G/SPS/N/CHL/896	CNTY	Chi-lê	25/8/2026	Chi-lê dự thảo Nghị quyết về việc cập nhật các điều kiện vệ sinh thú y đối với gia cầm một ngày tuổi và trứng ấp gia cầm nhập khẩu, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 839 năm 2007 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Chi-lê dự thảo Nghị quyết về việc cập nhật các điều kiện vệ sinh thú y đối với gia cầm một ngày tuổi và trứng ấp gia cầm nhập khẩu, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 839 năm 2007 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung. Theo đó, hàng hóa nhập khẩu vào Chi-lê bắt buộc phải đáp ứng đồng bộ các tiêu chuẩn kiểm soát dịch bệnh khắt khe. Cụ thể, Cơ quan Thú y của quốc gia (Autoridad Veterinaria Competente - AVC) xuất khẩu cũng như các cơ sở tham gia vào chuỗi sản xuất phải được Cục Nông nghiệp và Gia súc Chi-lê (Servicio Agrícola y Ganadero - SAG) đánh giá, kiểm tra định kỳ và cấp phép chính thức. Nơi xuất xứ của gia cầm hoặc trứng ấp phải được công nhận an toàn dịch bệnh, không nhiễm vi-rút cúm gia cầm cũng như bệnh gà rù hay dịch tả gà (bệnh Newcastle), đồng thời phải duy trì chương trình giám sát dịch bệnh thường xuyên. Đối với đàn gia cầm bố mẹ, bắt buộc phải được công nhận không nhiễm vi khuẩn <i>Salmonella spp</i>, đồng thời duy trì chương trình lấy mẫu xét nghiệm vi khuẩn <i>Salmonella spp</i> và vi khuẩn <i>Mycoplasma (M. synoviae, M. gallisepticum</i> và <i>M. meleagridis</i> đối với gà tây) theo các quy chuẩn hiện hành. Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng đưa ra các yêu cầu khắt khe về vùng an toàn dịch bệnh và hồ sơ chứng thư đi kèm. Cụ thể, cơ sở sản xuất, lò ấp và đàn gia cầm bố mẹ phải nằm trong khu vực không ghi nhận bất kỳ ổ dịch cúm gia cầm, bệnh gà rù hay dịch tả gà nào trong bán kính tối thiểu 10 km. Đồng thời, mỗi lô hàng khi cập cảng phải đi kèm Giấy chứng nhận thú y quốc tế

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						(Certificado Veterinario Internacional - CVI) do Cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp tại thời điểm xuất hàng, được thể hiện bằng cả tiếng Tây Ban Nha và ngôn ngữ chính thức của quốc gia xuất xứ. Ngoài ra, gia cầm một ngày tuổi và trứng ấp khi nhập khẩu vào Chi-lê sẽ phải trải qua đợt kiểm tra và cách ly bắt buộc tối thiểu 30 ngày tại cơ sở được SAG cấp phép, trong thời gian cách ly, trứng ấp và gia cầm một ngày tuổi phải được lấy mẫu và thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán theo yêu cầu của SAG.” Thời hạn góp ý trước ngày 24/10/2026.
18	G/SPS/N/ISR/12/Rev.5	TTBVTV	I-xra-en	21/8/2026	I-xra-en dự thảo sửa đổi Quy định về mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	I-xra-en dự thảo sửa đổi Quy định về mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm. Dự thảo cập nhật các thay đổi của Liên minh châu Âu đối với Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Cụ thể, nhóm 1 cập nhật các quy định về hợp chất đồng (Copper compounds). Tại Phụ lục II của Quy định, bổ sung cột về tổng hàm lượng đồng (total Copper) và cập nhật mức dư lượng tối đa đối với một số sản phẩm. Tại Phụ lục III, Phần A, xóa cột liên quan đến hợp chất đồng để tránh trùng lặp với các quy định mới tại Phụ lục II. Nhóm này dự kiến áp dụng từ 01/11/2026. Nhóm 2 cập nhật mức dư lượng tối đa đối với acetamiprid, aclonifen, deltamethrin, oxathiapiprolin và phosphonates của kali. Các cột tương ứng với 5 hoạt chất này tại Phụ lục II được thay thế. Việc cập nhật dựa trên các đánh giá rủi ro định kỳ của Cơ quan An toàn thực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA) và dữ liệu dư lượng mới; trong đó mức dư lượng của acetamiprid trong mật ong và sản phẩm từ ong, aclonifen trên một số sản phẩm/cây trồng, deltamethrin trong quả anh đào, oxathiapiprolin trên một số cây rau, phosphonic acid và phosphonates của kali/axit phosphonic trong quả anh đào được điều chỉnh. Nhóm này dự kiến áp dụng từ 01/11/2026. Đối với nhóm 3, mức dư lượng triclopyr trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật được tăng; mức dư lượng 1,4-dimethylnaphthalene trong phần lớn sản phẩm cây trồng, lúa mì và sản phẩm có nguồn gốc động vật, cùng với triclopyr trong các loại quả có mùi, được giảm, một số trường hợp giảm xuống mức giới hạn định lượng (LOQ). Mức dư lượng chlormequat trong nấm, lúa mì và sản phẩm có nguồn gốc động vật cũng được giảm. Cột metribuzin tại Phụ lục III bị xóa do việc phê duyệt sử dụng hoạt chất này tại EU đã hết hiệu lực. Đồng thời, tại Phụ lục V, bổ sung các cột đối với metribuzin và chất chuyển hóa Metribuzin-DADK, với mức dư lượng được giảm xuống LOQ trong phần lớn các nhóm sản phẩm. Nhóm này dự kiến áp dụng từ 06/01/2027. Nhóm 4 điều chỉnh mức dư lượng tối đa đối với fenpyrazamine tại Phụ lục II. Đây là nội dung hiệu chỉnh các mức dư lượng do sai lệch về thời điểm có hiệu lực của hai quy định của EU năm 2019; mức dư lượng được cập nhật theo các tiêu chuẩn dư lượng tối đa của Codex (CXLs). Các mức dư lượng này đã được đánh giá về mặt khoa học và được xác định không gây nguy cơ đối với

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						sức khỏe người tiêu dùng. Nhóm này dự kiến áp dụng từ 01/11/2026. Các thay đổi trên được áp dụng tại I-xra-en theo các quy định sửa đổi tương ứng của EU, không bổ sung các điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng phạm vi áp dụng mới. Các ngoại lệ hiện hành của I-xra-en đối với Quy định (EC) số 396/2005 tiếp tục được duy trì. Dự thảo dự kiến áp dụng từ 01/11/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 20/10/2026.
19	G/SPS/N/DOM/75	CNTY, BCT, ATTP	Cộng hòa Đô- mi-ni- ca	21/8/2026	Cộng hòa Đô-mi-ni-ca dự thảo Quy chuẩn Vệ sinh thực phẩm và đồ uống.	Cộng hòa Đô-mi-ni-ca dự thảo Quy chuẩn Vệ sinh thực phẩm và đồ uống, áp dụng bắt buộc trên toàn quốc đối với mọi hoạt động từ sản xuất, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu, đóng gói, bảo quản, phân phối cho đến bán lẻ thực phẩm dùng cho người. Khi chính thức có hiệu lực, quy chuẩn này sẽ bãi bỏ hoàn toàn Nghị định số 528-01 về Kiểm soát rủi ro thực phẩm và đồ uống, cùng các Nghị quyết số 000012-17 và 000020-17 liên quan đến thủ tục đăng ký vệ sinh rút gọn. Theo đó, các cơ sở thực phẩm phải có Giấy phép vệ sinh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở, được gia hạn 5 năm một lần; sản phẩm thực phẩm phải có Đăng ký vệ sinh, có thời hạn 5 năm. Đồng thời các cơ sở thực phẩm phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice - GMP), hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Point – HACCP) đối với quy mô công nghiệp và quy định về kiểm tra dựa trên rủi

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						ro. Quy chuẩn cũng chuẩn hóa các quy định chi tiết về nhãn mác, khai báo dinh dưỡng, chất phụ gia, giới hạn dư lượng hóa học, phân loại mức độ rủi ro của thực phẩm và quản lý thức ăn đường phố. Mọi hành vi vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm theo luật định bao gồm: phạt tiền, phạt tù, tịch thu và tiêu hủy sản phẩm, hoặc đóng cửa cơ sở vĩnh viễn. Văn bản ấn định thời gian chuyển tiếp 18 tháng để các cơ sở đang hoạt động kịp thời thích ứng và tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn mới. Quy chuẩn dự kiến được thông qua vào ngày 20/8/2026, tiếp nhận góp ý đến 20/10/2026, và sẽ chính thức có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố.
20	G/SPS/N/KEN/381	TTBVTV, BCT	Cộng hòa Kê-ni- a	19/8/2026	Cộng hòa Kê-ni-a dự thảo ban hành Tiêu chuẩn DKS 3057:2026 đối với đồ uống từ ngũ cốc/cháo ngũ cốc.	Cộng hòa Kê-ni-a dự thảo ban hành Tiêu chuẩn DKS 3057:2026 đối với đồ uống từ ngũ cốc/cháo ngũ cốc. Dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm và giới hạn an toàn thực phẩm (vi sinh, độc tố vi nấm, kim loại nặng) đối với sản phẩm này; tiêu chuẩn không áp dụng cho thức ăn bổ sung dành cho trẻ từ 6 đến 24 tháng tuổi. Theo đó, sản phẩm phải tuân thủ các giới hạn tối đa về kim loại nặng, cụ thể hàm lượng chì không được vượt quá 0,2 mg/kg và hàm lượng cadmium không được vượt quá 0,1 mg/kg; các chỉ tiêu này được xác định theo phương pháp AOAC 999.11. Ngoài ra, tổng hàm lượng aflatoxin không được vượt quá 10 µg/kg (ppb), hàm lượng aflatoxin B1 không được vượt quá 5 µg/kg (ppb) và được xác định theo phương pháp ISO 16050. Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định độ ẩm tối đa đối với sản

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						phẩm dạng bột là 14%, hàm lượng chất khô tối thiểu đối với sản phẩm không phải dạng bột là 15%, đồng thời không được có sự hiện diện của vi khuẩn <i>Salmonella spp</i> trong 25g sản phẩm. Dự kiến dự thảo được thông qua ngày 31/12/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 18/10/2026.
21	G/SPS/N/KOR/852	BYT	Hàn Quốc	18/8/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Quy định về công nhận nguyên liệu thực phẩm chức năng, cùng Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm chức năng.	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Quy định về công nhận nguyên liệu thực phẩm chức năng, cùng Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm chức năng. Theo đó, dự thảo sửa đổi biểu mẫu đăng ký công nhận nguyên liệu thực phẩm chức năng, cập nhật sơ đồ quyết định đánh giá an toàn đối với nguyên liệu thực phẩm chức năng, phù hợp với việc sửa đổi định nghĩa về chất tổng hợp (bổ sung bước xác nhận xem hợp chất tổng hợp có tồn tại trong tự nhiên hoặc có khả năng dùng làm thực phẩm/phụ gia thực phẩm hay không). Dự thảo cập nhật mức phí thẩm định theo quy định mới, đồng thời phân loại mức phí đối với hồ sơ nộp trực tuyến và hồ sơ nộp trực tiếp/quá bưu điện. Cụ thể: - Đối với hồ sơ đăng ký công nhận nguyên liệu thực phẩm chức năng: + Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến (hồ sơ điện tử): Mức phí là 4.500.000 won đối với hồ sơ đăng ký cấp mới; trường hợp đăng ký thay đổi là 1.800.000 won. + Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện: Mức phí là 5.000.000 won đối với hồ sơ đăng ký cấp mới; trường hợp đăng ký thay đổi là 2.000.000 won. - Đối với hồ sơ đăng ký công nhận sản phẩm thực phẩm chức năng:

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						+ Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến (hồ sơ điện tử): Mức phí là 1.000.000 won. + Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện: Mức phí là 1.100.000 won. Thời hạn góp ý trước ngày 17/10/2026.
22	G/SPS/N/USA/3583	TTBVTV, CNTY	Hoa Kỳ		Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) tiếp nhận đơn kiến nghị về sửa đổi quy định đối với giới hạn tối đa dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại thực phẩm và nông sản khác nhau.	Hoa Kỳ thông báo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency - EPA) tiếp nhận đơn kiến nghị về sửa đổi quy định đối với giới hạn tối đa dư lượng (MRL) hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại thực phẩm và nông sản khác nhau. Theo đó, các đơn kiến nghị đề xuất thiết lập mức MRL hoặc miễn yêu cầu về mức MRL theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FFDCA) đối với một số hóa chất, cụ thể: - Đối với Silane, trimethoxyoctyl (các sản phẩm thủy phân với silica), kiến nghị đề xuất miễn trừ quy định MRL khi hóa chất này được sử dụng làm thành phần trợ (chất phân tán) trong công thức thuốc bảo vệ thực vật; - Đối với thuốc trừ nấm mandestrobin, mức MRL đề xuất là 3,0 ppm trên nhóm anh đào (cherry subgroup 12-12A) và 2,0 ppm trên nhóm đào (peach subgroup 12-12B); - Đối với thuốc trừ nấm và tuyến trùng cyclobutrifluram, kiến nghị đề xuất thiết lập mức MRL trên cà phê là 0,15 ppm và trên chuối là 0,05 ppm. Ngoài ra, hóa chất này cũng được đề xuất hàng loạt mức giới hạn cho nhiều mặt hàng khác từ dưới 0,03 ppm đến 8,0 ppm. Trong đó, các mức cao nhất (4,0 - 8,0 ppm)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung tóm tắt thông báo
						áp dụng cho thức ăn chăn nuôi, cỏ khô, cỏ thức ăn thô xanh, thân/lá ngũ cốc và phụ phẩm từ quá trình tách hạt bông; các mức từ 1,0 - 2,0 ppm áp dụng cho một số nhóm rau ăn lá, rau ăn củ, các loại đậu, thảo mộc và hạt bông; các mức dưới 1,0 ppm áp dụng cho hành, rau họ cải, các loại trái cây (có mùi, quả hạch), ngũ cốc, đậu phộng, mía, cũng như các sản phẩm từ động vật (thịt, mỡ, nội tạng bò, dê, lợn, ngựa, cừu, gia cầm, cùng với trứng và sữa); - Đối với thuốc diệt cỏ cycloate, mức MRL đề xuất trên hạt diêm mạch (quinoa) là 1,0 ppm; - Đối với thuốc diệt cỏ bromoxynil, mức MRL đề xuất là 0,01 ppm trên nhóm hạt cải dầu (trừ hạt lanh), nhóm các loại đậu bóc vỏ phơi khô (trừ đậu nành) và nhóm hạt đậu Hà Lan bóc vỏ phơi khô; - Đối với thuốc diệt cỏ iptriazopyrid, mức MRL đề xuất là 0,60 ppm trên hạt lúa; 0,40 ppm trên gan gia cầm; 0,10 ppm trên thận, gan của bò, dê, ngựa, cừu; 0,08 ppm trên thận và gan lợn; 0,04 ppm đối với cá, động vật có vỏ, động vật giáp xác; 0,02 ppm trên rom rạ; và mức 0,01 ppm áp dụng chung cho thịt, mỡ của các loại gia súc, cơ/mỡ gia cầm, cũng như các sản phẩm trứng, sữa. Căn cứ vào quá trình xem xét dữ liệu, EPA có thể quy định mức MRL cuối cùng hoặc mức miễn trừ khác so với mức mà bên kiến nghị đã yêu cầu (ví dụ: điều chỉnh tên nông sản cho đồng nhất hoặc thay đổi mức MRL dựa trên dữ liệu có sẵn). Hiện tại, EPA chưa hoàn tất đánh giá tính đầy đủ của các dữ liệu này và sẽ xem xét các ý kiến đóng góp của công chúng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/USA/3593	CNTY	Hoa Kỳ	27/8/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định cuối cùng về việc sử dụng chất bổ sung chromium DL-methionine chelate làm nguồn dinh dưỡng bổ sung chromium trong thức ăn cho gia súc.	Hoa Kỳ ban hành quy định cuối cùng về việc sử dụng chất bổ sung chromium DL-methionine chelate làm nguồn dinh dưỡng bổ sung chromium trong thức ăn cho gia súc (cattle). Cụ thể, phụ gia được phép sử dụng trong thức ăn hoàn chỉnh cho gia súc (cattle) với mức không vượt quá 0,5 mg chromium từ chromium DL-methionine chelate trên mỗi kg thức ăn, đồng thời tổng hàm lượng chromium từ mọi nguồn bổ sung không được vượt quá 0,5 ppm. Quy định được ban hành theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FD&C Act) trên cơ sở kiến nghị của Zinpro Corp. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration - FDA) đã tiến hành thẩm định dữ liệu khoa học để ban hành các thông số kỹ thuật kiểm soát chặt chẽ đối với phụ gia (như tổng hàm lượng chromium từ 5 đến 6%, tỷ lệ chromium ở dạng chelate không dưới 98%, cùng các giới hạn nghiêm ngặt về kim loại nặng và tạp chất). Bên cạnh đó, tên gọi của phụ gia cũng được điều chỉnh từ chromium DL-methionine thành chromium DL-methionine chelate nhằm phản ánh chính xác bản chất hóa học của hợp chất. Quy định được ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 19/8/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/USA/3591	TTBVTV	Hoa Kỳ	26/8/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất carboxin trên một số nhóm cây trồng họ đậu.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit – MRL) đối với hoạt chất carboxin trên một số nhóm cây trồng họ đậu. Cụ thể, mức MRL của carboxin trong hoặc trên các mặt hàng nông sản được quy định ở mức 2 ppm đối với nhóm rau họ đậu, thức ăn xanh dạng thô và cỏ khô (trừ đậu nành, phân nhóm 7-22A); và mức 0,2 ppm đối với nhóm rau họ đậu, các loại hạt đậu bóc vỏ phơi khô (trừ đậu nành, phân nhóm 6-22E và 6-22F). Quy định được thực hiện theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FFDCA) dựa trên đơn đề nghị của UPL Delaware, Inc. Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency - EPA) đã đánh giá rủi ro và kết luận các mức giới hạn này an toàn cho sức khỏe cộng đồng. Việc thiết lập mức 0,2 ppm đối với nhóm hạt đậu bóc vỏ phơi khô đồng thời nhằm thay thế và loại bỏ mức giới hạn cũ đối với hạt đậu khô do mặt hàng này đã được gộp chung vào phân nhóm mới (6-22E). Đồng thời, hiện tại chưa có mức quy định của Codex đối với hoạt chất này trên bất kỳ mặt hàng nào. Thời hạn góp ý trước ngày 20/10/2026. Thông báo chính thức có hiệu lực từ ngày 21/8/2026

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/USA/3590	TTBVTW, CNTY	Hoa Kỳ	25/8/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất cypermethrin trên hạt ca cao khô.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit – MRL) đối với hoạt chất cypermethrin trên hạt ca cao khô. Cụ thể, mức MRL của cypermethrin (CASRN 52315-07-8) trong hoặc trên hạt ca cao khô (cacao, dried bean) được quy định ở mức 0,05 (ppm). Quy định được thực hiện theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FFDC) dựa trên đơn đề nghị của Hiệp hội Bánh kẹo Quốc gia (National Confectioners Association). Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency - EPA) đã đánh giá rủi ro tổng hợp và kết luận mức giới hạn này an toàn cho sức khỏe cộng đồng (bao gồm cả trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ). Việc quy định mức 0,05 ppm đối với hạt ca cao khô (thay vì mức 0,02 ppm như đề xuất) giúp đồng bộ hóa mức giới hạn áp dụng chung cho các cơ sở xử lý thực phẩm, do hiện tại chưa có mức MRL của Codex đối với mặt hàng này. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 20/8/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 19/10/2026.
4	G/SPS/N/TZA/479 /Add.1	TTBVTW	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 818:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với cỏ cà ri.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 818:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với cỏ cà ri ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 730:2025 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/479 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 818:2025.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
5	G/SPS/N/TZA/478 /Add.1	TTBVT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 817:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với hoa hồi.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 817:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với hoa hồi ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 729:2025 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/478 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 817:2025.
6	G/SPS/N/TZA/477 /Add.1	TTBVT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 815:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với gia vị Tandoori masala.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 815:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với gia vị Tandoori masala ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 500:2025 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/477 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 815:2025.
7	G/SPS/N/TZA/476 /Add.1	TTBVT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 816:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với gia vị Biriani masala.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 816:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với gia vị Biriani masala ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 501:2025 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/476 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 816:2025.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/TZA/392 /Add.1	BCT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 781:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với đồ uống bổ dưỡng gừng và nghệ.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 781:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với đồ uống bổ dưỡng gừng và nghệ ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 649:2024 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/392 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 781:2025.
9	G/SPS/N/TZA/390 /Add.1	TTBVTV	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 755:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với dưa cải muối Sauerkraut.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 755:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với dưa cải muối Sauerkraut ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 647:2024 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/390 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 755:2025.
10	G/SPS/N/TZA/389 /Add.1	TTBVTV	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 754:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với kim chi.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 754:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với kim chi ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 646:2024 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/389 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 754:2025.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/TZA/360/Add.1	BCT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	21/8/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 711:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với kombucha.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 711:2025 quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với kombucha ở phiên bản thứ nhất. Cụ thể, dự thảo Tiêu chuẩn PCD 577:2024 được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/TZA/360 nay đã chính thức được Cục Tiêu chuẩn Zanzibar thông qua vào ngày 01/4/2025 để trở thành Tiêu chuẩn Quốc gia ZNS 711:2025.
12	G/SPS/N/COL/430/Add.1	CNTY	Cô-lôm-bi-a	21/8/2026	Cô-lôm-bi-a thông báo về việc rút lại dự thảo Quy định về đăng ký và kiểm soát các nhà sản xuất hoặc chế biến, nhà sản xuất hoặc chế biến theo hợp đồng, nhà bán thành phẩm, nhà nhập khẩu và/hoặc đơn vị lưu trữ các sản phẩm mỹ phẩm, dược liệu, vi lượng đồng căn và/hoặc nguyên liệu thô dùng trong thú y.	Cô-lôm-bi-a thông báo về việc rút lại dự thảo Quy định về đăng ký và kiểm soát các nhà sản xuất hoặc chế biến, nhà sản xuất hoặc chế biến theo hợp đồng, nhà bán thành phẩm, nhà nhập khẩu và/hoặc đơn vị lưu trữ các sản phẩm mỹ phẩm, dược liệu, vi lượng đồng căn và/hoặc nguyên liệu thô dùng trong thú y (Dự thảo đã được đăng tải tại số G/SPS/N/COL/430 ngày 16/7/2026 và vẫn đang trong thời hạn tham vấn). Theo đó, do nhận thấy cần tiến hành bổ sung các phân tích kỹ thuật, đồng thời tăng cường quá trình phổ biến và đánh giá lại các quy định được đề xuất, Cô-lôm-bi-a quyết định tạm dừng quy trình tham vấn lấy ý kiến quốc tế đối với phiên bản dự thảo hiện tại. Việc tiếp nhận ý kiến góp ý (có thời hạn đến ngày 14/9/2026 theo thông báo số G/SPS/N/COL/430) sẽ không còn hiệu lực.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/MYS/26/Rev.2 /Add.1	CNTY, CLCB	Ma-lai-xi-a	19/8/2026	Ma-lai-xi-a ban hành bản cập nhật quy định nhập khẩu đối với cá cảnh nước ngọt, cá cảnh biển và động vật giáp xác cảnh (sửa đổi Thông báo số G/SPS/N/MYS/26).	Ma-lai-xi-a ban hành bản cập nhật quy định nhập khẩu đối với cá cảnh nước ngọt, cá cảnh biển và động vật giáp xác cảnh (sửa đổi Thông báo số G/SPS/N/MYS/26). Cụ thể, Ma-lai-xi-a chính thức ban hành bản Phụ lục quy định nhập khẩu gửi kèm, theo đó cập nhật quy định nhập khẩu đối với cá cảnh nước ngọt, cá cảnh biển và động vật giáp xác cảnh sống (bản dự thảo sửa đổi bổ sung Phụ lục đã được đăng trước đó tại thông báo số G/SPS/N/MYS/26/Rev.2, ngày 16/3/2026). Thông báo có hiệu lực từ ngày 01/9/2026.
14	G/SPS/N/CAN/1599/Add.1	BCT	Ca-na-đa	18/8/2026	Ca-na-đa ban hành bản sửa đổi Danh sách các Thành phần bổ sung được phép áp dụng mức giới hạn 30% nước ép trong một số loại đồ uống có chứa caffeine.	Ca-na-đa ban hành bản sửa đổi Danh sách các Thành phần bổ sung được phép áp dụng mức giới hạn 30% nước ép trong một số loại đồ uống có chứa caffeine. Cụ thể, Bộ Y tế Ca-na-đa đã chính thức nâng giới hạn hàm lượng nước ép từ dưới 25% lên mức tối đa 30% đối với các loại đồ uống bổ sung caffeine (áp dụng cho cả sản phẩm có tổng lượng caffeine trên và dưới 150 ppm) sau khi đã đánh giá và xác nhận sự thay đổi này không gây ra rủi ro cho sức khỏe. Tuy nhiên, để ngăn chặn việc quảng cáo gây hiểu lầm rằng đây là các thức uống lành mạnh (đặc biệt đối với trẻ em), quy định nghiêm ngặt về nhãn mác vẫn được duy trì: các sản phẩm này tuyệt đối không được phép sử dụng các từ ngữ như “nước ép”, “sinh tố”, “thịt quả” (pulp) hoặc “mật hoa” (nectar) trên bao bì hay tên gọi chung, mà chỉ được phép xuất hiện trong danh sách thành phần bắt buộc. Ngoài ra, thông báo cũng bao gồm các đính chính nhỏ về câu chữ nhằm đồng nhất giữa phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp, điển hình như việc

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						sửa lỗi đơn vị đo lường của thành phần L-asparagine thành “mg” trong bản tiếng Pháp. Đây là một sửa đổi mang tính chất cho phép (nhà sản xuất có thể chọn áp dụng mức 30% mới hoặc giữ nguyên mức dưới 25% cũ). Thông báo chính thức có hiệu lực từ ngày 13/8/2026.

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATP: An toàn thực phẩm (Cục ATP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Bộ Công Thương.